

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 24/2019/HSST
Ngày 07/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2019 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/TLST-HS ngày 08/4/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HS ngày 12/4/2019, đối với bị cáo:

Lâm Định S, sinh năm 1987, nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký thường trú tại khu 6, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Tấn H và con bà Páo Nhất M; có 02 người con (sinh năm ...); có 02 tiền án: Ngày 23/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú kết án 01 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”; đến ngày 01/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Phú kết án 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; có 01 tiền sự: Ngày 20/7/2018 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/11/2018.

- Bị hại:

1. Bà Đặng Thị Kim D, sinh năm 1976;

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1956;

Cùng nơi cư trú: Ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1958; nơi cư trú tại Khu 8, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Lê Quang T, sinh năm 1986; nơi cư trú tại Khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Ninh Văn L, sinh năm 1964; nơi cư trú tại Ấp 4, xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1968; nơi cư trú tại số nhà 373A, ấp Ngũ Phúc, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; nơi cư trú tại ấp Bàu Mây, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Ngô Minh Ph (Quấn), sinh năm 1996; nơi cư trú tại Khu 8, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Lê Thị Ph, sinh năm 1992; nơi cư trú tại Ấp 3, xã Phú Lập, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Lương Hoàng Đ 1982; nơi cư trú tại Ấp 1, xã Phú Điền, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1986; nơi cư trú tại Ấp 4, xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

7. Ông Nguyễn Hữu Kh, sinh năm 1980; nơi cư trú tại ấp Phú Cường, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Ông Điệp Vũ B, sinh năm 1987; nơi cư trú tại Tổ 3, khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa, người tham gia tố tụng còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

- Ngày 01/10/2018, bị hại L1 điều khiển xe mô tô biển số 60T7 – 5180 đến khu vực chợ huyện Tân Phú thuộc khu 2, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, bị cáo thấy xe có cấm chìa khóa không có người trông coi, bị cáo lấy trộm xe. Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết luận giá trị tài sản thiệt hại là 3.500.000 đồng.

- Ngày 26/10/2018, bị hại S điều khiển xe mô tô biển số 60S8 – 4838, chở 20 kg cá lóc đến chợ huyện Tân Phú thuộc khu 2, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú. Bị cáo thấy xe có cấm sẵn chìa khóa không có người trông coi, bị cáo lấy trộm xe và cá lóc. Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận giá trị tài sản thiệt hại là 1.500.000 đồng và Bản kết luận định giá tài sản số 79/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận giá trị tài sản 20 kg cá lóc là 1.700.000 đồng.

- Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 26/10/2018, bị hại L điều khiển xe mô tô biển số 60H1 – 5882 đến đất rẫy thuộc khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo thấy xe có chìa khóa không có người trông coi, bị cáo lấy trộm xe. Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết luận giá trị tài sản thiệt hại là 3.200.000 đồng.

- Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 28/10/2018, bị hại T điều khiển xe mô tô biển số 60B3 – 04477 để ở đất rẫy thuộc khu 4, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú. Bị cáo thấy xe không có người trông coi, bị cáo lấy trộm xe. Bản kết luận định giá tài sản số 85/KL.HĐĐGTS ngày 12/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết luận giá trị tài sản thiệt hại là 6.500.000 đồng.

- Ngày 07/11/2018, bị hại D điều khiển xe mô tô biển số 60B8 – 44769 đến chợ huyện Tân Phú, bị cáo bẻ ổ khóa xe, lấy trộm xe. Bản kết luận định giá tài sản số 76/KL.HĐĐGTS ngày 15/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết luận giá trị tài sản thiệt hại là 6.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát Điều tra chỉ tạm giữ được 01 xe mô tô biển số 60B3 – 04477.

Cáo trạng số: 14/CT-VKSTP-ĐN ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Kiểm sát viên luận tội như sau:

Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, chứng cứ khác. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo xâm phạm tài sản của 05 chủ sở hữu, bị cáo có 02 tiền án, hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm b, g khoản 2 Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuyên bố bị cáo bị cáo Lâm Đình S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Bị cáo khai sau khi trộm cắp 04 xe nêu trên thì bị cáo gọi điện thoại tới Đ và có nói là lấy trộm được xe, có bán 04 xe cho Đ. Ý kiến của Đ không thừa nhận có mua xe với bị cáo nên không có các chứng cứ chứng minh Đ có mua xe của bị cáo.

Ngày 07/11/2018 Ngô Minh Ph nhận xe mô tô biển số 60B8 – 44769 để giao xe lại Đ. Nhưng Đ trình bày ý kiến không có nhận xe mô tô này từ Ph.

Đối với Ph không biết xe mô tô biển số 60B8 – 44769 do bị cáo trộm cắp mà có, không có chứng cứ chứng minh Ph biết xe mô tô bị cáo trộm cắp mà có. Đối với Nguyễn Hữu Kh không biết xe mô tô biển số 60B8 – 04477 là tài sản do trộm cắp mà có. Vì vậy, Đ, Ph và Kh không vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 60B3-04477 đã trả lại ông Lê Quang T là người quản lý tài sản hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại, bà D yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng, ông L1 yêu cầu bị cáo bồi thường 10.000.000 đồng, ông S yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng, ông L yêu cầu bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng. Ghi nhận ý kiến của bị cáo đồng ý bồi thường các thiệt hại này đối với các bị hại.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Cáo trạng đúng sự thật, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo ý kiến của các bị hại; bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đến nay, người tham gia tố tụng không có khiếu nại các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hoạt động tiến hành tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra và Viện kiểm sát là hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, đương sự và người làm chứng vắng mặt. Kiểm sát viên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án, có thể công bố lời khai của họ để tranh tụng nên không ảnh hưởng đến hoạt động xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Ý kiến trình bày của bị cáo thống nhất với nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của người làm chứng, các bị hại và tài liệu

khác, như: Vật chứng, kết luận định giá tài sản, các bản án trên. Đây là các chứng cứ chứng minh bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng quy định của luật.

* Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đối với bị cáo:

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, có nhân thân không tốt, có đến 02 tiền án chưa được xóa án tích nhưng vẫn thường xuyên thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức biết được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do bị cáo nghiện ma túy nên đã trộm cắp tài sản để có tiền sử dụng ma túy và dùng vào nhu cầu cá nhân của bị cáo.

Bị cáo thường xuyên vi phạm pháp luật, trộm cắp tài sản gây ra thiệt hại đối với các bị hại. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, vụ án xảy ra góp phần làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương.

Khi nghị án, Hội đồng xét xử thảo luận, quyết định áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, là người có trình độ văn hóa 01/12 có phần hạn chế về khả năng nhận thức pháp luật. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án, xử lý hành vi phạm tội của bị cáo để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

Đối với Đ, Ph và Kh không vi phạm quy định của Bộ luật Hình sự, Viện kiểm sát không đề nghị xử lý hình sự đối với họ là đúng quy định của luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo gây ra thiệt hại về tài sản đối với các bị hại, tại phiên tòa ngày 12/4/2019 các bị hại trình bày ý kiến như sau: Ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; ông L yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 6.000.000 đồng, ông S yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 5.000.000 đồng, ông L1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng, bà D yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại 10.000.000 đồng. Xét về yêu cầu bồi thường thiệt hại của các bị hại là hợp pháp, đúng với Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Tại các phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của bị cáo.

[4]. Về vật chứng: Xe mô tô biển số 60B3-04477 Công an huyện Tân Phú đã quyết định trả lại bị hại T là đúng quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5]. Về chi phí tố tụng:

Bị cáo là người bị kết án phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với các bị hại là 31.000.000 đồng x 5% bằng 1.550.000 đồng.

[6]. Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo như trên. Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điểm b, g khoản 2 Điều 173; khoản 2 Điều 47, Điều 48 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lâm Đình S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Lâm Đình S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ý kiến bị cáo đồng ý có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với các bị hại như sau: Đối với bà Đặng Thị Kim D là 10.000.000đ (mười triệu đồng); ông Trần Văn L1 là 10.000.000đ (mười triệu đồng); ông Ninh Văn L là 6.000.000đ (sáu triệu đồng); ông Nguyễn Văn S là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu các bên không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

* Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 1.550.000đ (một triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của luật./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng (có quyền nhận Bản án);
 - Công an huyện Tân Phú (2);
 - VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh ĐN (2).
 - Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
 - UBND nơi cư trú của bị cáo
- {để thay thông báo kết quả xét xử};*
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa án huyện Tân Phú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính